TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:11/2021/DS-ST Ngày: 31 - 3 - 2021 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thế Tự;
2. Ông: Nguyễn Thành Quyến.

***-Thư ký phiên tòa*:** ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS, ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam.**

Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện: ông Lý Ngọc H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Tống Thanh T và Phạm Văn G.**

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Đại diện nguyên đơn trình bày: qua đơn đề nghị vay vốn, Ngân hàng cho vay tiền không bảo đảm bằng tài sản thế chấp, hình thức cho vay là được ủy thác qua Đoàn Thanh niên xã theo chương trình: cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường: bị đơn Tống Thanh T và người thừa kế là chồng Nguyễn Văn G có ký kết hai hợp đồng tín dụng vay vốn với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vào các ngày sau:

- Ngày 13 tháng 8 năm 2009 theo hợp đồng số 6000006500128197, vay 4.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 0,9%/tháng, quá hạn 1.17%/tháng.

- Ngày 20 tháng 6 năm 2010 theo hợp đồng số 6000006500128196, vay 10.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn 0,65%/tháng, quá hạn 0,845%/tháng.

Sau khi vay qua các lần tính lãi suất, phí bị đơn có đóng lãi được 2.692.334 đồng và không tiếp tục đóng lãi cũng như không trả nợ gốc

Tổng lãi suất từ khi vay tính đến ngày Tòa thụ lý vụ án (12.11.2020) là 15.500.637 đồng, trừ số tiền lãi đã đóng thì phía bị đơn còn thiếu lại tiền lãi 12.808.303 đồng.

Phía bà T và ông G chưa trả được nợ gốc lần nào, nay toàn bộ số nợ vay đã quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng vẫn chưa trả. Do khi vay thì bà T và ông G cùng ký tên và là vợ chồng với nhau. Vì vậy Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết**:** buộc bà T và ông G cùng có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp tổng số nợ gốc của hai lần vay là 14.000.000 đồng và lãi suất của hai khoản vay từ khi vay tính đến ngày Tòa thụ lý vụ án là 12.808.303 đồng; Đại diện nguyên đơn trình bày do bà T và ông G có hoàn cảnh khó khăn nên phía nguyên đơn tự nguyện không tính lãi từ ngày Tòa thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng sau khi xét xử thì phải chịu lãi theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn Tống Thanh T và Nguyễn Văn G vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung: qua các chứng cứ có trong hồ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn Tống Thanh T và Nguyễn Văn G được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: thông qua ủy thác của Đoàn Thanh niên xã Tân Long, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp có cho Tống Thanh T và Nguyễn Văn G giao kết hợp đồng tín dụng theo chương trình cho vay: nước sạch và vệ sinh môi trường, nội dung hợp đồng thể hiện rõ về số tiền qua hai lần vay là 14.000.000 đồng, thể hiện rõ về thời gian vay và lãi suất. Tuy nhiên, phía bị đơn chỉ đóng lãi của hai khoản vay được 2.692.334 đồng, từ đó không tiếp tục đóng lãi và không trả nợ gốc là đã vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc, tính lãi trong hạn (một khoản vay 0,95%/tháng và một khoản vay 0,65%/tháng) và lãi quá hạn (một khoản vay 1,17%/tháng và một khoản vay 0,845%/tháng) như nguyên đơn trình bày là có căn cứ. Bởi lẽ theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mức lãi suất này được pháp luật cho phép. Đồng thời, phía nguyên đơn tự nguyện không tính lãi từ ngày 12.11.2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (trên 04 tháng) là rất có lợi cho bị đơn. Từ đó yêu cầu trả nợ gốc, lãi suất và lãi phát sinh của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[4] Về xác định nghĩa vụ trả nợ: Xét bà T và ông G đã ly hôn theo Quyết định Thuận tình ly hôn số 401/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên tại thời điểm xác lập hợp đồng để vay tiền thì cả hai người còn chung sống với nhau và cùng ký tên thì phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng được giao kết. Đồng thời tại quyết định thuận tình ly hôn: về phần tài sản do các đương sự không yêu cầu nên trong Quyết định thuận tình ly hôn không xem xét giải quyết. Như vậy giữa bà T với ông G hiện tại dù đã ly hôn nhưng về nghĩa vụ

trả nợ đối với Ngân hàng thì cùng có trách nhiệm liên đới để trả nợ. Từ đó có căn cứ buộc bà T với ông G cùng có nghĩa vụ trả Ngân hàng tổng số tiền 26.808.303 đồng. Trong đó: nợ gốc 14.000.000 đồng và lãi suất 12.808.303 đồng (đã trừ 2.692.334 đồng tiền lãi đã đóng).

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bà T với ông G phải nộp 5% đối với giá trị tài sản có nghĩa vụ đối với nguyên đơn: 26.808.303 đồng x 5% = 1.340.415 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Lời đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Tống Thanh T và ông Phạm Văn G cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tổng số tiền 26.808.303đ (hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ tám ngàn ba trăm lẻ ba đồng). Trong đó nợ gốc 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) đồng và lãi suất 12.808.303đ (mười hai triệu tám trăm lẻ tám ngàn ba trăm lẻ ba đồng).

-Án phí dân sự sơ thẩm: Tống Thanh T và Phạm Văn G phải nộp 1.340.415đ (một triệu ba trăm bốn mươi ngàn bốn trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Tống Thanh T và Phạm Văn G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất 1.17%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Tống Thanh T và Phạm Văn G vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm